TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;

2. Ông Hà Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hảng Thị N, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng A N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

3. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hờ A S, địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2023, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hảng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng A N đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống như vợ chồng chị N và anh N sống cùng mẹ đẻ anh N là bà Mùa Thị P tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N nghi ngờ chị N ngoại tình nên anh N lợi dụng lúc uống rượu say thường xuyên chửi bới, đánh đập chị N nhiều lần, nhưng do được hàng xóm can ngăn kịp thời nên chị N mới không bị thương. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh N đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, đến tháng 3 năm 2023 chị N đã bỏ về nhà anh trai là Hảng A L ở cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến đời sống của nhau.

Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng A N.

- Về con chung: Chị và anh Vàng A N có 04 con chung là Vàng Thị C, sinh ngày 13-8-2002; Vàng A P, sinh ngày 05-7-2005; Vàng Thị D, sinh ngày 13-5-2008 và Vàng Thị S, sinh ngày 14-6-2013. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vàng Thị S, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng con Vàng Thị D, chị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Con Vàng Thị C và Vàng A P đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Hảng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Vàng A N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống đúng như chị N trình bày, còn về mâu thuẫn vợ chồng là do vào năm 2023 chị N nói muốn đi làm thuê ở Quảng Ninh nhưng anh N không đồng ý dẫn đến vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con cái.

- Về con chung: Anh và chị N có 04 con chung như chị N trình bày. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng Thị D và Vàng Thị S, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con Vàng Thị C và Vàng A P đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vàng A N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-10-2023 cháu Vàng Thị D, Vàng Thị S khai: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu D và cháu S có nguyện vọng được ở cùng mẹ, vì mẹ quan tâm, chăm sóc đến các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hảng Thị N và anh Vàng A N.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Hảng Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung Vàng Thị S, sinh ngày 14-6-2013, giao cho anh Vàng A N trược tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Vàng Thị D, sinh ngày 13-5-2008. Chị N và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét đến;

- Về án phí nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn chị Hảng Thị N khởi kiện anh Vàng A N, địa chỉ thôn Tống Ngoài, xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Hảng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vàng A N và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hảng Thị N và anh Vàng A N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001; việc chung sống như vợ chồng được thể hiện

tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con, giấy xác nhận thông tin về cư trú và lời khai của các đương sự. Tuy nhiên giữa chị N và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân giữa chị Hảng Thị N và anh Vàng A N là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống chị N và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N nghi ngờ chị N ngoại tình nên anh N lợi dụng lúc uống rượu say thường xuyên chửi bới, đánh đập chị N nhiều lần, nhưng do được hàng xóm can ngăn kịp thời nên chị N mới không bị thương. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, đến tháng 3 năm 2023 chị N đã bỏ về nhà anh trai là Hảng A L ở cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến đời sống của nhau, chị đề nghị được ly hôn anh Vàng A N và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung giữa chị và anh N

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối chiếu với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hảng Thị N và anh Vàng A N.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung:

Chị Hảng Thị N và anh Vàng A N có 04 con chung là Vàng Thị C, sinh ngày 13-8-2002, Vàng A P, sinh ngày 05-7-2005, Vàng Thị D, sinh ngày 13-5-2008 và Vàng Thị S, sinh ngày 14-6-2013. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vàng Thị S, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng con Vàng Thị D; con Vàng Thị C, Vàng A P đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng Thị D và Vàng Thị S và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con chung cho chị N hay anh N nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh N không thỏa thuận được về việc nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Xét thấy, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con giữa chị N và anh N là như nhau, căn cứ vào Điều 71 của luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cần giao con Vàng Thị D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Vàng Thị S cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hảng Thị N và anh Vàng A N.

2. Con chung: Giao cho chị Hảng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vàng Thị S, sinh ngày 14-6-2013; giao cho anh Vàng A N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vàng Thị D, sinh ngày 13-5-2008.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hảng Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số AA/2021/0000648 ngày 02-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Hảng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Vàng A N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên